TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9- ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/DS-ST
Ngày: 17-04-2026.
V/v "Tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Phượng.**

2. Ông **Đặng Văn Việt.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Mỹ Hương** - Thư ký viên.

Trong ngày 17/04/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số H, khóm M, phường Mỹ N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1968;

Bà **Dương Kim T1**, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Số M Điện Biên P, khóm Mỹ T2, phường Mỹ T3 (phường Mỹ P, thành phố CL cũ), tỉnh Đồng Tháp.

(Ông H có mặt; Ông T và và T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Vào ngày 22/9/2020, ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 (ông T và bà T1 là vợ chồng) có vay của ông Nguyễn Thanh H số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất 1,5%/tháng (15.000.000đồng/tháng/1.000.000.000đồng), thời hạn vay từ ngày 22/9/2020 đến 22/03/2021, mục đích vay để kinh doanh mua bán. Ông T và bà T1 vay có làm biên nhận và thế chấp cho ông H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS0 cấp ngày 27/12/2018. Sau khi đến hạn trả nợ, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà T1 trả số tiền vốn và

lãi nhưng ông T và bà T1 không trả. Nay ông H yêu cầu ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 1.000.000.000đồng, yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 04/01/2025 đến 17/4/2026 (15 tháng 13 ngày) với số tiền 231.500.000đồng. Đối với hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02342 cấp ngày 27/12/2018, ông H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu ông H sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác. Ngoài ra, ông H không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

+ Căn cước công dân Nguyễn Thanh H (Bản sao chứng thực);

+ Đơn xác nhận nơi sinh sống ngày 23/5/2025 (bản chính);

+ Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền ngày 22/9/2020 (bản chính).

- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu ông ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 (ông T và bà T1 là vợ chồng) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 1.000.000.000đồng và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 04/01/2025 đến 17/4/2026 (15 tháng 13 ngày) với số tiền 231.500.000 đồng, tổng cộng 1.231.500.000đồng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; các bị đơn có nơi cư trú tại khóm Mỹ T2, phường Mỹ T3, tỉnh Đồng Tháp (phường Mỹ P, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp cũ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đồng thời, tại phiên tòa ông H xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì ông H không tranh chấp số tiền nào khác, trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về thời hiệu, xét thấy: Hợp đồng dân sự vay tài sản được xác lập vào ngày 22/9/2020, đồng thời không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 (ông T và bà T1 là vợ chồng) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 1.000.000.000đồng và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 04/01/2025 đến 17/4/2026 (15 tháng 13 ngày) với số tiền 231.500.000đồng, tổng cộng 1.231.500.000đồng là có căn cứ, bởi lẽ: Vào ngày 22/9/2020, ông Nguyễn Thanh H có cho ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 vay số tiền 1.000.000.000đồng, hai bên có thoả T lãi suất là 1,5%/tháng (15.000.000đồng/tháng/1.000.000.000đồng) và ông T, bà T1 cùng có ký tên vào biên nhận ngày 22/9/2020 (Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền) cho ông H. Mặt khác, ông T và bà T1 còn thế chấp cho ông H 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS0 cấp ngày 27/12/2018 (Hợp đồng thế chấp ông H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu ông H sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác). Đồng thời, ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 cũng đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về những yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H đối với ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 nhưng ông, bà không có văn bản ý kiến hay phản đối gì đối với những yêu cầu của ông H. Do đó, việc ông Nguyễn Thanh H yêu cầu ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay 1.000.000.000đồng và số tiền lãi 231.500.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.231.500.000đồng là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh H xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì ông H không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 liên đới trả số tiền 1.231.500.000đồng, nên ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 phải chịu 48.945.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.125.000đồng theo biên lai số 0005235 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 116, 275, 288, 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H.

- Buộc ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 1.231.500.000đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh T và bà Dương Kim T1 phải liên đới chịu 48.945.000đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.125.000đồng theo biên lai số 0005235 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa T thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV9 - ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chinh